

Số: M 53/DRC-TK

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 12 năm 2025

**Phạm Thị Quỳnh Nga**

**NGHỊ QUYẾT**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 33/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 38/BB-HĐQT ngày 16/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của dự án: Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm với các nội dung như sau:

- Tên dự án: Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.
- Địa điểm xây dựng: Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Từ ngày 08/6/2023 đến ngày 27/6/2025.
- Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn vốn          | Nguồn vốn theo quyết định đầu tư (bao gồm VAT) | Thực hiện (bao gồm VAT) |                       |                   |
|--------------------|------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------|
|                    |                                                | Đã thanh toán           | Còn phải thanh toán   | Còn phải thu      |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>916.082.586.762</b>                         | <b>524.971.436.866</b>  | <b>24.925.728.582</b> | <b>48.382.218</b> |
| Vốn vay thương mại | 597.775.173.662                                | 217.872.610.502         | -                     |                   |
| Vốn tự có          | 318.307.413.100                                | 307.098.826.364         | 24.925.728.582        |                   |

6. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung              | Dự toán được duyệt<br>(bao gồm VAT) | Giá trị đề nghị quyết toán<br>(bao gồm VAT) |
|-----------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------|
| <b>Tổng số</b>        | <b>870.138.473.190</b>              | <b>549.848.783.230</b>                      |
| Chi phí xây dựng      | 123.203.141.000                     | 100.645.950.493                             |
| Chi phí thiết bị      | 557.997.615.271                     | 433.768.289.313                             |
| Chi phí quản lý dự án | 5.750.614.663                       | 1.408.806.880                               |
| Chi phí tư vấn        | 12.882.072.859                      | 9.744.878.182                               |
| Chi phí khác          | 113.211.421.266                     | 4.280.858.362                               |
| Chi phí đền bù, GPMB  |                                     |                                             |
| Chi phí dự phòng      | 57.093.608.131                      |                                             |

7. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

8. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nhóm             | Giá trị tài sản (chưa bao gồm VAT) |         |
|-----|------------------|------------------------------------|---------|
|     |                  | Thực tế                            | Quy đổi |
|     | <b>Tổng số</b>   | <b>509.302.104.552</b>             |         |
| 1   | Tài sản dài hạn  | 502.171.257.572                    |         |
| 2   | Tài sản ngắn hạn | 7.130.846.980                      |         |

9. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

**549.848.783.230 đồng.**

| Nguồn              | Số tiền (bao gồm VAT)  | Ghi chú |
|--------------------|------------------------|---------|
| Vốn vay thương mại | 217.872.610.502        |         |
| Vốn tự có          | 331.976.172.728        |         |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>549.848.783.230</b> |         |

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 03 tháng 12 năm 2025 là:  
24.877.346.364 đồng:

+ Tổng nợ phải thu: 48.382.218 đồng;

+ Tổng nợ phải trả: 24.925.728.582 đồng.

Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục số 01 kèm theo.

